

Bản án số: 292/2024/DS-ST
Ngày 31 - 12 - 2024
V/v tranh chấp hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Ông Vũ Minh Hoàng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Chí Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 442/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Bà Quách Kim A, sinh năm 1979 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

- Dây hội thứ nhất:

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2022 âm lịch, tôi có tham gia chơi 01 chung hội của dây hội 2.000.000 đồng do bà Quách Kim A1 cùng chồng là ông Nguyễn Văn N làm chủ hội, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 30 hàng tháng. Tôi tham gia đóng hội sống cho bà A1 và ông N đến lần thứ 14 thì bà A1 và ông N tuyên bố đình hội (bể hội). Tổng số tiền hội sống tôi đóng 14 lần của 01 chung hội là 28.000.000

đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Sau khi đình hội thì đến ngày 30 tháng 9 năm 2023 âm lịch thì bà A1 và ông N cùng các hội viên thỏa thuận thống nhất bắt thăm để bà A1 và ông N trả lại tiền hội đã đóng; tôi đã bắt thăm trúng thăm số thứ tự số 03 và hẹn đến ngày 30 tháng 12 năm 2023 thì bà A1 và ông N sẽ chung tiền hội cho tôi với số tiền 28.000.000 đồng.

Tuy nhiên đến nay bà A1 và ông N chỉ chung cho tôi 8.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng, bà A1 và ông N không chịu chung hội cho tôi.

Tôi đã yêu cầu Tổ Hòa giải ấp H hòa giải nhưng bà Quách Kim A cùng chồng là ông Nguyễn Văn N không tham gia.

- Dây hội thứ hai:

Vào ngày 25 tháng 02 năm 2023 âm lịch, tôi có tham gia chơi 01 chung hội của dây hội 2.000.000 đồng do bà Quách Kim A cùng chồng là ông Nguyễn Văn N làm chủ hội, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 25 hàng tháng. Tôi tham gia đóng hội sống cho bà A và ông N đến lần thứ 6 thì bà A và ông N tuyên bố đình hội (bể hội). Tổng số tiền hội sống tôi đóng 6 lần của 01 chung hội là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Sau khi đình hội thì đến ngày 30 tháng 9 năm 2023 âm lịch thì bà A và ông N cùng các hội viên thỏa thuận thống nhất bắt thăm để bà A và ông N trả lại tiền hội đã đóng, tôi đã bắt thăm trúng thăm số thứ tự số 03 và hẹn đến ngày 30 tháng 12 năm 2023 thì bà A và ông N sẽ chung tiền hội cho tôi với số tiền 12.000.000 đồng.

Tuy nhiên đến nay bà A và ông N không chịu trả tiền hội cho tôi.

Nay bà yêu cầu bà A, ông N trả cho bà số tiền nợ hội của 02 chung hội trên là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Bị đơn bà A trình bày:

Bà có mở 02 dây hội cụ thể:

Dây thứ nhất ngày 30/7/2022 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng có 38 hội viên, mỗi tháng khai 01 lần, bà K tham gia 01 chung, đến kỳ thứ 14 thì bà đình hội, số tiền nợ bà K là 28.000.000 đồng, bà đã trả cho bà K 9.000.000 đồng, trong đó cần trừ hội 7.000.000 đồng, góp 02 tháng 2.000.000 đồng, còn lại 19.000.000 đồng.

Dây thứ hai mở ngày 25/02/2023 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, có 34 hội viên, mỗi tháng khai 01 lần, bà K tham gia 01 chung, đến kỳ thứ 6 thì bà đình hội, số tiền nợ bà K là 6.000.000 đồng.

Tổng số tiền còn nợ bà K là 31.000.000 đồng và đồng ý trả, tuy nhiên do điều kiện chưa thể trả toàn bộ nên bà yêu cầu được trả dần số nợ. Bà K tham gia hội, ghi tên hội viên là bà T (T là chồng bà K), hội do bà và chồng bà là ông N cùng mở, thống nhất cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Đối với ông N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cùng trả số tiền nợ là 31.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà A yêu cầu xét xử vắng mặt, ông N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Việc nguyên đơn tham gia hội do bị đơn làm chủ hội là có xảy ra trên thực tế được bà K và bà A thừa nhận, phù hợp với danh sách hội viên, theo đó nguyên đơn có tham gia 02 chung hội tại 02 dây hội, loại hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/7/2022 và 25/02/2023 âm lịch do bị đơn là chủ hội, quá trình tham gia hội bị đơn đình hội, bà K1 và bà A thống nhất số tiền nợ là 31.000.000 đồng. Đối với ông N không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên là có căn cứ, được chấp nhận.

Bà A yêu cầu được trả dần, nguyên đơn không đồng ý, xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ nên nguyên yêu cầu trả toàn bộ số nợ là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 31.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 1.550.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu nên được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân

sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Buộc bà Quách Kim A và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà K số tiền 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà K không phải chịu, hoàn trả lại cho bà K 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003857 ngày 01 tháng 10 năm 2024 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003508 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Bà A và ông N phải chịu 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Việt Khái

Vũ Minh Hoàng

Hồ Dũng Liêm